



ULTRAFLEX SA NB

Màng tự dính bitum biến tính SBS không bao gồm vật liệu gia cường



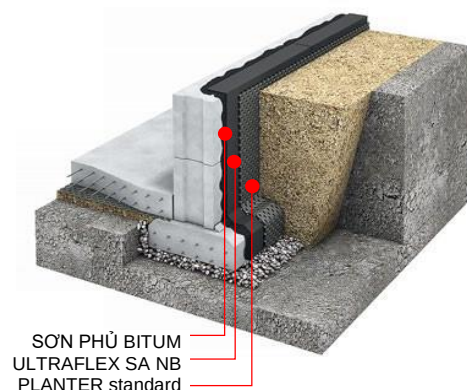
MÔ TẢ:

Màng tự dính bitum biến tính SBS không bao gồm chất dẫn ULTRAFLEX SA NB được thiết kế để chống thấm cho nền móng và các kết cấu kỹ thuật với thêm đặc tính chống radon. Nhờ có hợp chất bitum kết dính đặc biệt, vật liệu này có thể được sử dụng trên các bề mặt bị cấm sử dụng phương pháp khô nhiệt tiêu chuẩn (trên mặt nền của nhựa polystyrene giãn nở / đùn ép hoặc mặt nền bằng gỗ).

Vật liệu chống thấm ULTRAFLEX SA NB được sản xuất bằng cách đặt một chất kết dính polyme-bitum tự dính đặc biệt lên trên một màng polyme dày được phủ vật liệu bên trên. Mặt khác của vật liệu được phủ một lớp màng phim bảo vệ có thể tháo rời. Do không bao gồm chất dẫn nên đó là đặc điểm chính của vật liệu này khiến nó rất đàn hồi và dẻo dai.

ƯU ĐIỂM:

- Có thể được sử dụng trên các bề mặt bị cấm sử dụng phương pháp khô nhiệt tiêu chuẩn (mặt nền bằng gỗ, XPS, v.v.);
- Tốc độ thi công nhanh;
- Không cần thêm bất kỳ thiết bị và kỹ năng bổ sung nào khác;
- Thi công an toàn và tiết kiệm chi phí – màng được thi công lắp đặt mà không sử dụng khí đốt và khô lửa;
- Có thể dùng để chống thấm tại khu vực kín trong nhà.



LẮP ĐẶT:

■ MẶT PHẪNG



Làm sạch bề mặt và xử lý bằng BITUM POLYMER PRIME COATING.

Đo độ sâu của móng và cắt vật liệu theo chiều dài yêu cầu.

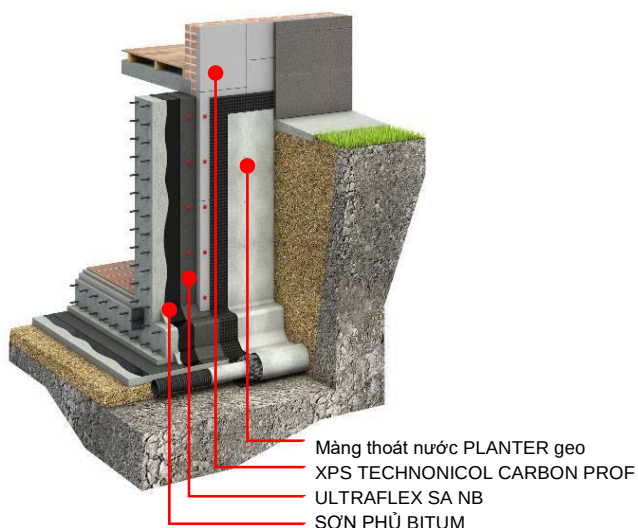
Trát vật liệu từ trên xuống bằng cách loại bỏ dần màng bảo vệ, mở màng và làm mịn nó lên bề mặt.

Vật liệu phải được lắp đặt ở độ cao 30-50 cm so với mặt đất. Lớp chống dục phải là 100 mm, lớp chống cuối tấm - 150 mm.

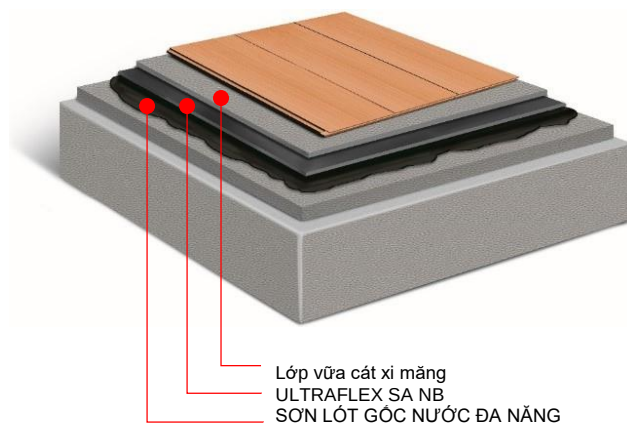
Bảo vệ màng khỏi hư hỏng cơ học bằng XPS TECHNONICOL CARBON ECO / PROF 300 hoặc màng PLANTER standard/ HDPE geo profiled. Đầu trên của màng chống thấm phải được cố định ở tầng hầm bằng dải cạnh kim loại định hình và bịt kín.

CÁC GIẢI PHÁP HỆ THỐNG:

■ ĐẶT NỀN MÓNG BẰNG CÁCH NHIỆT



■ CHỐNG THẨM TRONG NHÀ



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Màng bitum tự dính trong thời kỳ lạnh có xu hướng cứng lại dẫn đến giảm độ bám dính. Việc lắp đặt vật liệu tự dính phải được thực hiện trong điều kiện khí hậu thuận lợi, tức là thời tiết khô và nhiệt độ trên + 10 ° C. Ở nhiệt độ dưới + 10 ° C và độ ẩm không khí cao, độ bám dính của màng có thể bị tổn hại và do đó cần phải sử dụng không khí nóng để khôi phục các đặc tính của vật liệu.

HIỆU SUẤT ĐƯỢC KHAI BÁO:

Đặc điểm thiết yếu	Phương thức kiểm tra	Hiệu suất	Đặc điểm thiết yếu	Phương thức kiểm tra	Hiệu suất
Bảo vệ mặt trên	-	phim polyme dày	Điểm làm mềm, °C	ASTM D36	≥+100
Bảo vệ mặt dưới	-	màng chống dính	Tính linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-15
Chiều dài, m	EN 1848-1	≥20.0	Khả năng chống chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥+85
Chiều rộng, m	EN 1848-1	≥1.0	Độ kín nước ở 0,1 MPa trong 24 giờ	EN 1850-1	Vượt qua
Độ thẳng	EN 1848-1	≤10 mm / 5 m	Hiệu suất chữa cháy bên ngoài	EN 13501-5	Froof
Khối lượng trên đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	1.5±0.25	Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Euroclass F
Độ dày, mm	EN 1849-1	1.5±0.10	Ổn định kích thước,%	ASTM D5147	NPD
Loại hăng vận chuyển	-	không chất mang	Độ bám dính của hạt, %	EN 12039	NPD
Đặc tính chịu kéo: lực kéo lớn nhất L/T, N/50mm	EN 12311-1	NPD	Khả năng chống bong tróc của mối nối: lớp chống/ lớp chống lên phim, N/50 mm	EN 12316-1	NPD / ≥25
Tính chất chịu kéo: độ giãn dài L/T, %	ASTM D5147	≥200 / ≥200	Đặc tính truyền hơi nước	EN 1931	μ=20000
Determination of shear resistance of joints, kN/m	EN 12317-1	≥2.0	Các chất nguy hiểm	Không chứa các chất nguy hiểm	

Chú thích: L/T – Dọc/Ngang (Longitudinal / Transverse); NPD – Không xác định hiệu suất (No Performance Determined).
Hạn sử dụng nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo quản: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.